

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.001	191A070150	Đặng Thới	An	22/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.002	221A320368	Lâm Hoà	An	16/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.04.003	211A031505	Lưu Hoàng	An	24/04/2003	An Giang		
4	VHU.TAB1.04.004	211A030767	Nguyễn Thị Mỹ	An	26/06/2003	Quảng Ngãi		
5	VHU.TAB1.04.005	211A050238	Nguyễn Thị Thuý	An	28/11/2003	Đà Nẵng		
6	VHU.TAB1.04.006	201A030375	Nguyễn Văn	An	04/07/2002	Bắc Ninh		
7	VHU.TAB1.04.007	231A040107	Bùi Đỗ Minh	Anh	03/07/2005	Ninh Bình		
8	VHU.TAB1.04.008	201A320075	Ngô Hoàng Vân	Anh	28/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.009	181A240007	Nguyễn Bá Tuấn	Anh	15/09/1997	Bắc Ninh		
10	VHU.TAB1.04.010	201A030675	Nguyễn Chí	Anh	01/01/2002	Cà Mau		
11	VHU.TAB1.04.011	211A030998	Nguyễn Đăng Hoàng	Anh	08/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.04.012	221A100119	Nguyễn Hoàng Kiệt	Anh	01/02/2004	Bình Thuận		
13	VHU.TAB1.04.013	221A210075	Nguyễn Mai	Anh	23/07/2004	Hậu Giang		
14	VHU.TAB1.04.014	211A240076	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	23/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.015	211A050008	Nguyễn Thị Lan	Anh	25/07/2003	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.04.016	221A370647	Nguyễn Thị Phương	Anh	21/10/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.04.017	211A230017	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/2003	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.04.018	201A150215	Nguyễn Trương Lan	Anh	11/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.04.019	211A030576	Phạm Thị Kim	Anh	15/12/2003	Long An		
20	VHU.TAB1.04.020	211A031213	Trần Quế	Anh	07/08/2003	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.04.021	211A300043	Nguyễn Thị Minh	Ánh	19/10/2003	Phú Yên		
22	VHU.TAB1.04.022	211A030917	Huỳnh Tấn	Âu	03/08/2003	Quảng Ngãi		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.023	211A031241	Nguyễn Hữu	Bằng	12/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.04.024	211A210149	Nguyễn Lâm Gia	Bảo	03/11/2003	Cà Mau		
25	VHU.TAB1.04.025	211A080282	Phạm Nguyên Thái	Bảo	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.04.026	211A290005	Trương Quốc	Bảo	12/12/2002	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.04.027	211A031345	Ngô Thị Mỹ	Châu	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.04.028	211A210018	Nguyễn Ngọc Kim	Chi	31/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.04.029	201A050183	Trần Thị Bảo	Chi	27/07/2002	Nghệ An		
30	VHU.TAB1.04.030	221A031137	Trần Minh	Đại	11/06/2004	Phú Yên		
31	VHU.TAB1.04.031	201A030051	Lưu Danh	Đạt	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.04.032	211A320098	Ngô Đình	Diễn	21/02/2003	Phú Yên		
33	VHU.TAB1.04.033	221A040240	Nguyễn Thuỳ	Diệp	08/09/2004	Thanh Hoá		
34	VHU.TAB1.04.034	221A030138	Phạm Thị Xuân	Diệu	22/05/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.04.035	211A300117	Kiều Nữ Phương	Doanh	24/07/2003	Ninh Thuận		
36	VHU.TAB1.04.036	201A100012	Lê Nguyễn Giảng	Đon	20/08/2001	Long An		
37	VHU.TAB1.04.037	231A230012	Hoàng Minh	Đức	20/12/2005	Quảng Bình		
38	VHU.TAB1.04.038	211A030541	Mai Thị Thuỳ	Dương	03/01/2003	Bến Tre		
39	VHU.TAB1.04.039	201A140075	Phạm Thị Ánh	Dương	19/08/2002	Quảng Ngãi		
40	VHU.TAB1.04.040	211A070074	Nguyễn Trần Quang	Duy	12/03/2003	Quảng Nam		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.041	221A360152	Võ Nguyễn Anh	Duy	07/06/2004	Khánh Hòa		
2	VHU.TAB1.04.042	201A170147	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07/07/2002	Bình Phước		
3	VHU.TAB1.04.043	191A050024	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên	14/08/2001	Phú Yên		
4	VHU.TAB1.04.044	211A080053	Lê Dương Hương	Giang	14/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.045	211A050301	Nguyễn Hương	Giang	29/12/2003	Tuyên Quang		
6	VHU.TAB1.04.046	221A010091	Thái Võ Trường	Giang	13/06/2004	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.04.047	211A210117	Trần Nguyễn Thị Hương	Giang	15/12/2003	Bình Thuận		
8	VHU.TAB1.04.048	211A030294	Trịnh Thị Hương	Giang	11/10/2003	Thanh Hoá		
9	VHU.TAB1.04.049	221A050093	Võ Nữ Hương	Giang	12/05/2004	Đắk Nông		
10	VHU.TAB1.04.050	211A031453	Cao Thị Thu	Hà	07/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.04.051	211A040052	Lê Thị Cẩm	Hà	19/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.04.052	211A320004	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	17/09/2003	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.04.053	221A030914	Trần Thị Giang	Hà	23/05/2004	Bình Định		
14	VHU.TAB1.04.054	231A370916	Trần Thị Thanh	Hà	01/02/2005	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.04.055	221A370145	Trịnh Thị Thu	Hà	17/03/2003	Thanh Hoá		
16	VHU.TAB1.04.056	211A030824	Hà Thị	Hải	08/07/2003	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.04.057	201A030821	Lại Viết Hoàng	Hải	28/06/2002	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.04.058	193A030007	Nguyễn Thanh	Hải	17/12/1987	Đắk Lắk		
19	VHU.TAB1.04.059	211A010323	Trần Nguyễn Hoàng	Hải	21/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.04.060	211A080155	Huỳnh Ngọc	Hân	29/11/2003	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.04.061	211A040156	Lê Huỳnh Ngọc	Hân	04/07/2003	Bạc Liêu		
22	VHU.TAB1.04.062	221A050263	Lê Thị Ngọc	Hân	22/11/2004	Trà Vinh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.063	211A080048	Lưu Thị Bảo	Hân	06/09/2003	Bến Tre		
24	VHU.TAB1.04.064	201A230110	Mai Trịnh Gia	Hân	05/12/2002	Bình Thuận		
25	VHU.TAB1.04.065	161A030693	Nguyễn Thị Mai	Hân	02/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.04.066	211A010029	Nhâm Lý Gia	Hân	17/10/2002	Bình Phước		
27	VHU.TAB1.04.067	211A230181	Trần Lê	Hân	20/02/2003	Khánh Hòa		
28	VHU.TAB1.04.068	211A210066	Nguyễn Thị	Hằng	02/02/2003	Tiền Giang		
29	VHU.TAB1.04.069	221A040290	Tạ Nguyễn Ngọc	Hằng	09/07/2004	Ninh Bình		
30	VHU.TAB1.04.070	211A031174	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	28/11/2003	Phú Yên		
31	VHU.TAB1.04.071	181A070230	Nguyễn Trung	Hậu	16/09/2000	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.04.072	191A170104	Bùi Thị Thục	Hiền	08/12/2000	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.04.073	201A080101	Đinh Thị Thu	Hiền	29/11/2002	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.04.074	211A030969	Ngô Thị Ngọc	Hiền	16/01/2003	Quảng Nam		
35	VHU.TAB1.04.075	211A170261	Nguyễn Phan Thu	Hiền	28/09/2003	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.04.076	211A030577	Trần Thị Thu	Hiền	05/12/2003	Quảng Ngãi		
37	VHU.TAB1.04.077	211A030807	Võ Nguyễn Thu	Hiền	20/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.04.078	211A030461	Ngô Trần Vinh	Hiền	28/10/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.04.079	221A080087	Nguyễn Trung	Hiếu	03/04/2004	Tiền Giang		
40	VHU.TAB1.04.080	211A010285	Trương Trần Trung	Hiếu	06/06/2003	An Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT03
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.081	211A031504	Lưu Đức	Hoà	25/04/2003	An Giang		
2	VHU.TAB1.04.082	211A030986	Trần Thị Thu	Hòa	09/07/2002	Thái Bình		
3	VHU.TAB1.04.083	211A050140	Đinh Thị	Hoài	17/07/2002	Nam Định		
4	VHU.TAB1.04.084	221A320125	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	26/06/2004	Bình Thuận		
5	VHU.TAB1.04.085	221A320006	Phùng Lữ Thế	Hoài	28/10/2002	Long An		
6	VHU.TAB1.04.086	211A080036	Trần Thị Minh	Huê	16/03/2003	Bình Phước		
7	VHU.TAB1.04.087	221A080070	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	10/12/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.04.088	221A030046	Huỳnh Lê Mỹ	Hương	28/09/2004	Khánh Hòa		
9	VHU.TAB1.04.089	221A030622	Lý Mai	Hương	05/12/2004	Sóc Trăng		
10	VHU.TAB1.04.090	201A010220	Quang Quốc	Huy	03/02/2002	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.04.091	201A050125	Thái Hiền	Huy	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.04.092	221A010157	Trần Gia	Huy	26/11/2004	Cà Mau		
13	VHU.TAB1.04.093	201A030164	Trần Gia	Huy	30/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.04.094	211A010034	Trương Nguyên	Huy	30/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.095	211A210090	Lê Thị Thanh	Huyền	11/04/2003	Gia Lai		
16	VHU.TAB1.04.096	211A140130	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	02/12/2003	Khánh Hòa		
17	VHU.TAB1.04.097		Nguyễn Lê Gia	Hý	29/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.04.098	213A070002	Lê Minh	Kha	11/02/1995	Kiên Giang		
19	VHU.TAB1.04.099	211A031270	Lê Trọng	Khang	09/10/2003	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.04.100	211A031260	Ngô Hoàng	Khang	02/03/2003	Bạc Liêu		
21	VHU.TAB1.04.101	211A050117	Trần Minh	Khang	26/03/2003	Bến Tre		
22	VHU.TAB1.04.102	211A030083	Huỳnh Thị Mỹ	Khanh	03/11/2003	Khánh Hòa		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.103	211A030231	Hoàng Diễm	Khánh	12/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.04.104	201A110013	Lê Nguyễn Tuấn	Kiệt	24/09/2002	Quảng Ngãi		
25	VHU.TAB1.04.105	211A320078	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/05/2003	Tiền Giang		
26	VHU.TAB1.04.106	211A031452	Trần Anh	Kiệt	22/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.04.107	211A030915	Võ Thị Hoàng	Kiều	30/11/2003	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.04.108	201A050169	Nguyễn An	Lạc	02/09/2002	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.04.109	221A370483	Nguyễn Văn	Lắm	30/05/2004	Cần Thơ		
30	VHU.TAB1.04.110	191A140115	Tạ Thị	Lan	03/07/2001	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.04.111	211A031101	Lê Thị	Lành	07/10/2003	Đắk Lắk		
32	VHU.TAB1.04.112		Nguyễn Ngọc	Lễ	08/12/1986	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.04.113	201A080270	Châu Hoàng	Linh	06/11/2002	Kiên Giang		
34	VHU.TAB1.04.114	211A360031	Đỗ Thị Thùy	Linh	26/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.04.115	211A040058	Huỳnh Thị Yến	Linh	27/03/2003	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.04.116	211A070062	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	09/07/2003	Bình Định		
37	VHU.TAB1.04.117	191A210014	Nguyễn Trần Yến	Linh	22/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.04.118	211A031058	Võ Thùy Phương	Linh	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.04.119	201A030376	Nguyễn Thị Tố	Loan	17/03/2002	Sóc Trăng		
40	VHU.TAB1.04.120	201A080325	Phạm Xuân	Lộc	31/20/2002	Quảng Ngãi		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT04

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Ký tên:.....

Ký tên:.....

CBCKTr1:

CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.121	191A080143	Văn Tuyết	Lụa	26/08/2001	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.04.122	221A230009	Nguyễn Gia Bảo	Luân	17/02/2004	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.04.123	211A230088	Trần Lễ Kim	Lưu	23/12/2003	Bình Định		
4	VHU.TAB1.04.124	211A050216	Nguyễn Khánh	Ly	30/09/2003	Thanh Hoá		
5	VHU.TAB1.04.125	211A330008	Mai Thị Hải	Lý	27/11/2002	Thanh Hoá		
6	VHU.TAB1.04.126		Lê Xuân	Mai	23/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.04.127	211A070103	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	10/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.04.128	211A110062	Lê Hoàng Thiên	Mẫn	11/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.129	211A030897	Phan Minh	Mẫn	31/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.04.130	201A310006	Ngô Hải	Mạnh	21/05/2002	Đắk Lắk		
11	VHU.TAB1.04.131	221A371193	Đàm Nhựt	Minh	20/11/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.04.132	211A030886	Phạm Công	Minh	03/08/2003	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.04.133	181A070169	Đặng Nguyễn My	My	20/04/2000	Bình Định		
14	VHU.TAB1.04.134	221A031375	Lê Bùi Trà	My	04/12/2004	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.04.135	191A080039	Phạm Thị Diễm	My	24/12/2001	Tiền Giang		
16	VHU.TAB1.04.136	171A130001	Trần Nguyễn Thảo	My	23/08/1999	Bình Định		
17	VHU.TAB1.04.137	211A080055	Nguyễn Trần Kiều	Mỹ	15/07/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
18	VHU.TAB1.04.138	201A230091	Lê Thị Thanh	Nam	15/03/2002	Bình Định		
19	VHU.TAB1.04.139	181A030076	Trần Kỳ	Nam	17/02/2000	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.04.140	211A040083	Đoàn Thị Thủy	Nga	08/03/2003	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.04.141	201A080147	Bùi Thị Thuý	Ngân	05/03/2002	Bình Phước		
22	VHU.TAB1.04.142	211A030478	Đoàn Thị Kim	Ngân	17/10/2003	Bến Tre		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.143	221A040364	Hồ thị tuyết	ngân	19/11/2004	Kiên Giang		
24	VHU.TAB1.04.144	201A100014	Nguyễn Phạm Kim	Ngân	27/12/2002	Bến Tre		
25	VHU.TAB1.04.145	201A080199	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/05/2002	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.04.146	221A050222	Nguyễn Thị Thu	Ngân	17/12/2004	Bạc Liêu		
27	VHU.TAB1.04.147	181A030467	Nguyễn Trần Nhật	Ngân	23/10/2000	Tiền Giang		
28	VHU.TAB1.04.148	211A210337	Phạm Thị Kim	Ngân	20/04/2003	Bình Phước		
29	VHU.TAB1.04.149	211A160006	Trần Kim	Ngân	04/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.04.150	211A050217	Võ Thị Thanh	Ngân	13/03/2003	Bình Thuận		
31	VHU.TAB1.04.151	211A240041	Nguyễn Hoài Phương	Nghi	03/12/2003	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.04.152	221A371015	Lê Kim	Ngọc	17/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.04.153	221A370687	Phạm Bích	Ngọc	26/01/2004	Kiên Giang		
34	VHU.TAB1.04.154	211A210057	Trần Thị Hồng	Ngọc	14/12/2003	Trà Vinh		
35	VHU.TAB1.04.155	211A031325	Phan Anh	Ngọt	23/02/2003	Kiên Giang		
36	VHU.TAB1.04.156	211A050261	Đình Thảo	Nguyên	09/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.04.157	211A030494	Mã Thị Thảo	Nguyên	15/08/2003	Bến Tre		
38	VHU.TAB1.04.158	211A360019	Võ Thành	Nguyên	21/05/2003	An Giang		
39	VHU.TAB1.04.159	211A210308	Phạm Minh	Nguyệt	27/07/2003	Long An		
40	VHU.TAB1.04.160	181A010067	Đặng Hoàng	Nhân	19/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT05

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.161	211A030757	Phạm Chí	Nhân	10/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.162	201A050089	Huỳnh Minh	Nhật	13/06/2002	Long An		
3	VHU.TAB1.04.163	221A370743	Dương Thị Yến	Nhi	03/08/2004	Long An		
4	VHU.TAB1.04.164	211A031055	Hoàng Nguyệt	Nhi	07/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.165	211A031167	Hoàng Thị Yến	Nhi	01/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.04.166	211A030717	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi	07/07/2003	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.04.167	211A030540	Huỳnh Thị Yến	Nhi	10/10/2003	Bến Tre		
8	VHU.TAB1.04.168	211A030788	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	17/02/2003	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.04.169	211A090001	Phạm Thị Uyển	Nhi	26/04/2003	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.04.170	211A320048	Đinh Thoại	Như	06/05/2003	Khánh Hòa		
11	VHU.TAB1.04.171	211A040006	Kim Thị Huỳnh	Như	18/12/2003	Long An		
12	VHU.TAB1.04.172	211A040101	Lê Ngọc	Như	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.04.173	211A030900	Ngô Thị Thanh	Như	26/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.04.174	211A040165	Nguyễn Lê Huỳnh	Như	15/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.175	201A080159	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	22/12/2002	Khánh Hòa		
16	VHU.TAB1.04.176	171A080086	Nguyễn Phương Quỳnh	Như	10/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.04.177	221A040207	Lê Thị Hồng	Nhung	04/12/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.04.178	221A050730	Lê Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	Ninh Thuận		
19	VHU.TAB1.04.179	221A310178	Nguyễn Lê Hồng	Nhung	08/08/2004	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.04.180	211A040264	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/11/2003	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.04.181	201A030091	Phạm Tiểu	Ni	20/08/2002	Bạc Liêu		
22	VHU.TAB1.04.182	211A030501	Nguyễn Hoàng	Oanh	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.183	211A040216	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	18/02/2003	Thái Bình		
24	VHU.TAB1.04.184	211A030489	Trần Thị Hoàng	Oanh	10/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.04.185	221A310148	Võ Trần Nhật	Phi	05/08/2004	Long An		
26	VHU.TAB1.04.186	201A320053	Nguyễn Hữu	Phúc	24/06/2002	Tiền Giang		
27	VHU.TAB1.04.187	211A030860	Trương Cẩm	Phúc	16/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.04.188		Trương Xuân	Phúc	14/05/1981	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.04.189	211A030171	Nguyễn Hoàng Kim	Phụng	23/11/2003	Bến Tre		
30	VHU.TAB1.04.190	211A040136	Bùi Nhật	Phương	20/06/2003	Bình Định		
31	VHU.TAB1.04.191	211A031496	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	08/02/2003	Bình Thuận		
32	VHU.TAB1.04.192	201A040089	Huỳnh Thị Yến	Phương	14/12/2002	Long An		
33	VHU.TAB1.04.193	221A040089	Huỳnh Vệ	Phương	28/06/2004	Bình Phước		
34	VHU.TAB1.04.194	211A040257	Trần Thị Thanh	Phương	24/10/2003	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.04.195	201A230082	Nguyễn Huỳnh Như	Phượng	21/11/2002	Ninh Thuận		
36	VHU.TAB1.04.196	211A030029	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	19/12/2002	Kiên Giang		
37	VHU.TAB1.04.197	211A050375	Nguyễn Trần Kim	Phượng	27/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.04.198	221A210043	Lê Hồng	Quân	03/01/2004	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.04.199	211A040209	Trần Tiến	Quân	25/02/2003	Khánh Hòa		
40	VHU.TAB1.04.200	201A030018	Trần Nguyễn Minh	Quang	16/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.201	171A080008	Trương Đức	Quang	31/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.202	221A030516	Tô Thanh Ngọc	Quý	28/09/2004	Lâm Đồng		
3	VHU.TAB1.04.203	221A370803	Đặng Hồng Diễm	Quyên	22/01/2004	Kiên Giang		
4	VHU.TAB1.04.204	211A050214	Đỗ Mỹ	Quyên	11/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.205	211A040105	Nguyễn Đăng Mỹ	Quyên	07/02/2003	Tiền Giang		
6	VHU.TAB1.04.206	221A030974	Trần Thị Như	Quỳnh	30/06/2004	Long An		
7	VHU.TAB1.04.207	211A040040	Phạm Ngọc	Sang	03/11/2003	Cà Mau		
8	VHU.TAB1.04.208	221A230314	Ngô Ngọc	Son	10/11/2004	Đồng Nai		
9	VHU.TAB1.04.209	221A030751	Nguyễn Trường	Son	30/07/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu		
10	VHU.TAB1.04.210	211A210266	Mai Thị Thu	Sương	14/08/2003	Quảng Ngãi		
11	VHU.TAB1.04.211	211A010028	Đặng Thành	Tài	29/06/2002	Bến Tre		
12	VHU.TAB1.04.212	211A010293	Nguyễn Thành	Tài	03/09/2003	Long An		
13	VHU.TAB1.04.213	201A030227	Võ Ngọc Anh	Tài	18/07/2002	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.04.214	201A080200	Đieu Thiện	Tâm	16/07/2002	Tiền Giang		
15	VHU.TAB1.04.215	181A010039	Hà Khang	Thạch	10/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.04.216	221A270045	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thạch	24/10/2004	Ninh Thuận		
17	VHU.TAB1.04.217	211A230200	Đặng Nhật	Thái	08/10/2003	Lâm Đồng		
18	VHU.TAB1.04.218	211A030887	Lưu Quốc	Thái	06/04/2003	Bình Dương		
19	VHU.TAB1.04.219	231A040263	Lê Quốc	Thắng	25/12/2005	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.04.220	201A030747	Nguyễn Quốc	Thắng	15/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.04.221	211A230043	Nguyễn Trọng	Thắng	03/03/2003	Bình Thuận		
22	VHU.TAB1.04.222	191A010116	Nguyễn Vũ Quốc	Thắng	15/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.223	221A370670	Đỗ Thị Thanh	Thanh	10/12/2004	An Giang		
24	VHU.TAB1.04.224	191A010041	Lê Hồng	Thanh	01/04/2001	Ninh Thuận		
25	VHU.TAB1.04.225	201A320052	Nguyễn Ngọc	Thanh	28/09/2002	Tiền Giang		
26	VHU.TAB1.04.226	201A110012	Nguyễn Trí	Thành	23/06/2002	Khánh Hòa		
27	VHU.TAB1.04.227	211A050138	Bùi Thị Phương	Thảo	19/11/2003	Bình Phước		
28	VHU.TAB1.04.228	211A030481	Cao Phương	Thảo	14/11/2002	Hưng Yên		
29	VHU.TAB1.04.229	211A040051	Lại Thị	Thảo	14/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.04.230	211A110034	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	25/07/2003	Sóc Trăng		
31	VHU.TAB1.04.231	211A210032	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/09/2003	Long An		
32	VHU.TAB1.04.232	211A050309	Phạm thị Thu	Thảo	17/05/2003	Đắk Nông		
33	VHU.TAB1.04.233	211A230111	Trần Thanh	Thảo	20/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.04.234	211A210028	Trương Thị Kim	Thảo	16/06/2003	Lâm Đồng		
35	VHU.TAB1.04.235	211A031097	Nguyễn Thị Hồng	Thi	06/09/2003	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.04.236	201A050041	Nguyễn Thị Yên	Thi	21/11/2002	Bến Tre		
37	VHU.TAB1.04.237	201A030150	Nguyễn Phước	Thịnh	19/12/2002	Bến Tre		
38	VHU.TAB1.04.238	221A370301	Nguyễn Kim	Thoa	01/10/2004	Bình Thuận		
39	VHU.TAB1.04.239	211A010325	Lê	Thoại	22/11/2003	Thanh Hoá		
40	VHU.TAB1.04.240	221A210424	Bùi Thị Hoài	Thu	29/07/2004	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.241	211A320104	Bùi Thị Anh	Thư	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.04.242	221A080068	Đinh Thị Minh	Thư	25/02/2004	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.04.243	211A070058	Đoàn Anh	Thư	26/08/2003	Long An		
4	VHU.TAB1.04.244	221A370940	La Anh	Thư	07/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.04.245	201A080066	Nguyễn Anh	Thư	18/03/2002	Bến Tre		
6	VHU.TAB1.04.246	211A050167	Nguyễn Anh	Thư	09/02/2003	Phú Yên		
7	VHU.TAB1.04.247	211A270003	Nguyễn Thị Anh	Thư	19/11/2003	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.04.248	211A030569	Nguyễn Thị Minh	Thư	08/05/2003	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.04.249	201A080067	Thái Lê Anh	Thư	15/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.04.250	211A230116	Trương Thị Kim	Thư	16/04/2003	Cần Thơ		
11	VHU.TAB1.04.251	211A030796	Võ Minh	Thư	27/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.04.252	211A300099	Võ Thị Anh	Thư	26/03/2003	Bình Thuận		
13	VHU.TAB1.04.253	211A300001	Vũ Minh	Thư	07/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.04.254	181A010051	Nguyễn Thanh	Thuận	15/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.04.255	211A040126	Đặng Thị Thanh	Thương	13/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.04.256	211A031078	Nguyễn Thị	Thương	10/06/2003	Ninh Thuận		
17	VHU.TAB1.04.257	221A370530	Phạm Thị Thanh	Thúy	26/09/2004	Bình Thuận		
18	VHU.TAB1.04.258	211A031499	Hoàng Thị Phương	Thủy	18/07/2003	Quảng Bình		
19	VHU.TAB1.04.259	221A320094	Nguyễn Thái Minh	Thủy	16/04/2004	Bình Thuận		
20	VHU.TAB1.04.260	211A031267	Lại Thị Mai	Thủy	26/11/2003	Phú Yên		
21	VHU.TAB1.04.261	211A050081	Quách Thị Phương	Thúy	22/08/2003	Khánh Hòa		
22	VHU.TAB1.04.262	221A031113	Lê Nguyễn Minh	Thùy	11/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.263	201A230012	Nguyễn Hoàng Kim	Thy	13/08/2002	Bình Phước		
24	VHU.TAB1.04.264	211A010058	Phạm Cẩm	Thy	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.04.265	201A010042	Trần Lê Anh	Thy	03/05/2002	Tiền Giang		
26	VHU.TAB1.04.266	211A090004	Nguyễn Huỳnh Thùy	Tiên	10/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.04.267	181A030184	Phan Thị Cẩm	Tiên	27/10/2000	Quảng Nam		
28	VHU.TAB1.04.268	211A030430	Lâm Ngọc	Trâm	11/07/2003	Bạc Liêu		
29	VHU.TAB1.04.269	221a170664	Đặng thị huyền	trân	05/04/2004	Bến Tre		
30	VHU.TAB1.04.270	211A030364	Phạm Hồng Bảo	Trân	16/01/2003	Kiên Giang		
31	VHU.TAB1.04.271	211A050271	Đặng Thị Huyền	Trang	08/10/2003	Bình Thuận		
32	VHU.TAB1.04.272	211A050349	Lê Thị Thanh	Trang	20/10/2003	Bình Phước		
33	VHU.TAB1.04.273	211A210320	Lê Thị Thuỳ	Trang	18/10/2003	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.04.274	201A030837	Trần Ngọc Thùy	Trang	07/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.04.275	211A210088	Nguyễn Thị	Trinh	02/11/2003	Bình Định		
36	VHU.TAB1.04.276	221A370649	Nguyễn Thị Phương	Trinh	24/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.04.277	211A230166	Phan Thị Mỹ	Trinh	03/06/2003	Bình Định		
38	VHU.TAB1.04.278	221A370914	Võ Thị Diễm	Trinh	11/01/2004	Long An		
39	VHU.TAB1.04.279		Nguyễn Thanh	Trúc	25/09/2000	Long An		
40	VHU.TAB1.04.280	221A030604	Phan Thanh	Trúc	30/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 04 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)
Phòng kiểm tra: B1.PT08
Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 20/7/2025
Ký tên:
Ký tên:

CBCKTr1:
CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.04.281	221A370974	Phan Thị Phương	Trúc	22/06/2002	Ninh Thuận		
2	VHU.TAB1.04.282	211A010052	Ngô Trung	Trực	27/09/2003	Tiền Giang		
3	VHU.TAB1.04.283	211A100113	Nguyễn Hoàng	Trung	18/10/2002	Ninh Bình		
4	VHU.TAB1.04.284	211A080156	Nguyễn Quốc	Trung	18/01/2003	Tiền Giang		
5	VHU.TAB1.04.285	201A010101	Trương Chí	Trung	14/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.04.286	221A010432	Trần Quang	Trường	06/09/2004	Tiền Giang		
7	VHU.TAB1.04.287	211A030568	Lê Ngọc	Tú	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.04.288	211A080009	Trần Thị Cẩm	Tú	19/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.04.289	161A031128	Huỳnh Phạm	Tuân	23/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.04.290	201A210075	Đoàn Ngọc	Tuấn	12/01/2002	Bình Định		
11	VHU.TAB1.04.291	201A010053	Nguyễn Đức	Tuấn	09/06/2002	Khánh Hòa		
12	VHU.TAB1.04.292	221A031065	Phạm Huỳnh Sơn	Tùng	18/12/2004	Kiên Giang		
13	VHU.TAB1.04.293	201A070177	Ngô Thị Dáng	Tuyết	06/12/2002	Bình Phước		
14	VHU.TAB1.04.294	211A030708	Lê Diễm	Uyên	12/07/2003	Phú Yên		
15	VHU.TAB1.04.295	221A370922	Ngô Thị Thuý	Uyên	17/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.04.296	211A210246	Nguyễn Đoàn Thảo	Uyên	27/03/2003	Quảng Ngãi		
17	VHU.TAB1.04.297	211A050139	Phạm Nguyễn Nhã	Uyên	02/09/2003	Quảng Nam		
18	VHU.TAB1.04.298	201A010112	Lê Trần Ái	Vân	14/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.04.299	211A040090	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	07/02/2003	Cà Mau		
20	VHU.TAB1.04.300	211A031355	Trần Thị Thu	Vân	28/12/2003	Bạc Liêu		
21	VHU.TAB1.04.301	211A031061	Trần Thị Thuý	Vân	16/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.04.302	211A210264	Võ Thị Hồng	Vân	02/02/2003	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
23	VHU.TAB1.04.303	211A080028	Trần Thị Tường	Vi	07/11/2003	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.04.304	211A190018	Nguyễn Hoàng	Việt	06/11/2003	Đắk Nông		
25	VHU.TAB1.04.305		Phan Văn	Việt	14/10/1998	An Giang		
26	VHU.TAB1.04.306	211A031007	Bùi Trần Khánh	Vy	08/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.04.307	211A050243	Đặng Vũ Tường	Vy	03/11/2003	Bình Định		
28	VHU.TAB1.04.308	211A160036	Lê Thị Triệu	Vy	17/07/2003	Tây Ninh		
29	VHU.TAB1.04.309	211A080050	Lê Vũ Nguyên	Vy	09/07/2003	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.04.310	221A040345	Nguyễn Phương	Vy	13/03/2004	Long An		
31	VHU.TAB1.04.311	211A100040	Phạm Thanh	Vy	07/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.04.312	191A110013	Trần Hoàng Yến	Vy	15/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.04.313	211A030858	Trương Lê	Vỹ	17/11/2002	Quảng Ngãi		
34	VHU.TAB1.04.314	211A080104	Nguyễn thanh	Xuân	30/08/2003	Gia Lai		
35	VHU.TAB1.04.315	221A230502	Huỳnh Như	Ý	28/05/2004	Kiên Giang		
36	VHU.TAB1.04.316	211A050250	Lê Huỳnh Như	Ý	24/10/2003	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.04.317	211A080230	Danh Thị Bích	Yến	08/04/2003	Kon Tum		
38	VHU.TAB1.04.318	191A160033	Huỳnh Hải	Yến	01/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.04.319	211A031354	Lê Thị	Yến	15/01/2003	Thanh Hoá		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết